

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *136* /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 19 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025, nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Tình hình thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách các cấp giai đoạn 2017-2020.

*** Ưu điểm:**

Qua quá trình triển khai thực hiện, các quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020 quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 tỉnh Bình Phước đã tuân thủ đúng các quy định của Trung ương, cơ bản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đã phát huy tác dụng tích cực, cụ thể:

- Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020 được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bám sát các chỉ đạo, quy định, hướng dẫn của Trung ương, địa phương.

- Phân cấp quản lý NSNN đã đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh. Việc quy định tỉnh giữ vai trò chủ đạo và hướng các nguồn thu quan trọng đã đủ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của tỉnh; Đảm bảo nguồn lực để bổ sung cho các địa phương khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, qua đó góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người



dân, từng bước phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa.

- Việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm phân chia do Quốc hội quyết định.

- Cơ chế phân cấp quản lý NSNN đã giao quyền chủ động cho các địa phương tăng thu, tiết kiệm chi NSNN để có nguồn lực phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Cơ chế phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách đã khuyến khích chính quyền địa phương: Chủ động trong việc xác định, bồi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp, với cơ chế: tăng thu thì tăng chi, giảm thu thì giảm chi đã khắc phục được tình trạng ỷ lại vào cấp trên.

*** Hạn chế:**

- Mặc dù đã được phân cấp tối đa các khoản thu huyện, thị xã, thành phố được hưởng 100% theo quy định của Luật NSNN; tuy nhiên 10/11 huyện, thị xã, thành phố chưa đảm bảo cân đối được ngân sách cấp mình (trừ thị xã Bình Long).

- Trong giai đoạn 2017-2020, nhiều chế độ chính sách mới được cấp có thẩm quyền ban hành làm tăng chi hoạt động thường xuyên của ngân sách địa phương, đồng thời với việc lạm phát tăng nhanh trên cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng nhưng không bổ sung cân đối nguồn chi hoạt động thường xuyên (*vẫn giữ như định mức năm 2017*) nên đã ảnh hưởng đến việc điều hành cân đối thu - chi ngân sách địa phương, đơn vị.

- Một số khoản thu, nhiệm vụ chi chưa kịp thời cập nhật, sửa đổi và bổ sung nguồn cân đối như: Chưa quy định cụ thể tỷ lệ phân chia khoản thu tiền thuê đất đối với các dự án do tỉnh quản lý; thu cấp quyền khai thác khoáng sản; thu từ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản...; chưa quy định nhiệm vụ chi ứng dụng khoa học công nghệ, chi kiến thiết thị chính cho các đơn vị mới chia tách, chi bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng ...

2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Do đó, để đảm bảo xây dựng cơ chế, chính sách áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2022 phù hợp với Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này; đồng thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu trên thì việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ đầu năm 2022 là cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Thực hiện ổn định ngân sách trong một thời kỳ nhất định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; tăng khả năng tự cân đối, phân đầu giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

- Đảm bảo hoạt động cho các ngành, các cấp để hoàn thành mục tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách một cách đồng bộ, toàn diện; góp phần thực hiện công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách ở các cấp, các ngành.

2. Quan điểm chỉ đạo

Kế thừa tính ổn định một số nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp địa phương giai đoạn 2017-2020; sửa đổi hoặc bổ sung một số nội dung cho phù hợp với các quy định mới, yêu cầu mới của nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội địa phương giai đoạn 2022-2025; đồng thời, khắc phục, giải quyết những tồn tại, hạn chế của phân cấp thời kỳ trước. Việc xây dựng Nghị quyết thực hiện theo những nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Đổi mới phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách, tiếp tục đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh. Về nguyên tắc vẫn phải tập trung những nguồn thu lớn, quan trọng về ngân sách cấp tỉnh. Các địa phương tích cực chủ động khai thác, nuôi dưỡng nguồn thu gắn với kinh tế địa phương chủ động cân đối ngân sách. Để giải quyết những căng thẳng và mâu thuẫn trong phân phối nguồn thu giữa các cấp ngân sách cần phải xử lý được vấn đề nền tảng là phải tăng thu NSNN, như nuôi dưỡng nguồn thu, tiếp tục dựa vào yếu tố về đất đai để tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Thứ hai: Đổi mới phương thức phân cấp nhiệm vụ chi: Cần hoàn thiện quy định về phân định nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp chính quyền. Qua đó, tạo điều kiện và cơ chế để chính quyền địa phương có sự tự chủ nhất định trong các quyết định phân bổ nguồn lực, sử dụng nguồn lực theo các thứ tự ưu tiên của địa phương.

Thứ ba: Kế thừa những ưu điểm của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, như:

- Đảm bảo nguyên tắc ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, đồng thời, phải có nguồn để hỗ trợ bổ sung cho những địa phương có nguồn thu hạn hẹp.

- Phân cấp tối đa cho ngân sách xã, thị trấn nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (hộ kinh doanh nhỏ); thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất;

- Việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Quốc hội.

- Tăng tính chủ động trong việc sử dụng ngân sách tại các cấp chính quyền địa phương (cấp huyện, xã) để thực hiện các nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội.

- Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã thuộc tỉnh phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

Thứ tư: Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới (không bao gồm thu tiền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất) đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn (từ 50 tỷ đồng) thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên.

Thứ năm: Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Thứ sáu: Hoàn thiện cơ chế bổ sung ngân sách giữa các cấp ngân sách: Cần hình thành các phương thức phù hợp để xác định quy mô tổng nguồn ngân sách dùng để bổ sung cho các địa phương, cũng như các nguyên tắc sử dụng cho việc xác định mức bổ sung và nhu cầu chi tiêu của địa phương; hoàn thiện hệ thống tiêu chí, các nguyên tắc về bổ sung có mục tiêu, hạn chế xin cho.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2022. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đăng ký trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết nêu trên vào Kỳ họp cuối năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính đã tổ chức đánh giá phân cấp giai đoạn 2017-2020, nghiên cứu các quy định hiện hành có liên quan, xây dựng và gửi xin ý kiến các Ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về Dự thảo Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp tỉnh. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, ý kiến của Ban Kinh tế-Ngân sách, Sở Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa đối với những ý kiến góp ý phù hợp, sau đó hoàn thiện dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đối với dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước, gồm 02 Điều. Nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 tỉnh Bình Phước và bãi bỏ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sang năm 2021.

2. Đối với dự thảo Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước (ban hành kèm theo Nghị quyết), gồm 03 chương, 09 Điều. Nội dung cơ bản như sau:

Chương I. Quy định chung. Gồm 3 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

Chương II. Phân cấp nguồn thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương.
Gồm 03 Điều.

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

Chương III. Phân cấp nhiệm vụ chi. Gồm 03 Điều:

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước.

(2) Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Cục Thuế Bình Phước;
- KBNN Bình Phước;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 19 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Tờ trình số 136/TT-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật NSNN năm 2015; Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ ba đã thông qua Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 tỉnh Bình Phước; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; ngày 10/12/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 14 đã thông qua Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sang năm 2021.

Qua thực tế thực hiện quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/10/2016 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 16), bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Thực hiện quy định của Luật NSNN, Sở Tài chính đã có văn bản đề nghị các địa phương đánh giá những ưu điểm, tồn tại về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; đề xuất phương án xây dựng áp dụng cho giai đoạn ổn định ngân sách mới. Nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu:

Trong thời gian qua, việc thực hiện phân cấp nguồn thu trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh đã được Ủy ban nhân tỉnh, các ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn quan tâm thực hiện theo nội dung nghị quyết đã đề ra. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 đều đạt và vượt dự toán của Bộ Tài chính giao và dự toán của HĐND tỉnh thông qua đầu năm. Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố có xu hướng tăng dần đều qua các năm, cụ thể: Năm 2017 số thu là 2.729 tỷ đồng; năm 2018 số thu là 3.641 tỷ đồng; năm 2019 số thu là 3.975 tỷ đồng; năm 2020 số thu là 3.939 tỷ đồng. Hằng năm, có nhiều đơn vị cấp huyện đã thu vượt dự toán giao, số thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu nguồn thu và tăng nhanh qua các năm.

Qua kết quả thực hiện nguồn thu của các cấp trên địa bàn tỉnh có thể thấy rằng việc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tương đối phù hợp với phân cấp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Việc tăng cường phân cấp nguồn thu cho cấp huyện, cấp xã tương ứng với nhiệm vụ chi ngân sách đã góp phần nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền cấp huyện, cấp xã trong việc nuôi dưỡng nguồn thu, quản lý, khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ và phân đầu tăng thu trên địa bàn; việc tăng tỷ lệ (%) điều tiết cho cấp huyện, cấp xã đã tạo nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thúc đẩy việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, nội dung quy định tỉnh giữ vai trò chủ đạo và hưởng các nguồn thu quan trọng đã tập trung nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của tỉnh; đảm bảo nguồn lực để bổ sung cho các địa phương khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các huyện vùng sâu vùng xa với các huyện phát triển trọng điểm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, từng bước phát triển kinh tế - xã hội.

1.1 Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2020.

- Về kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn và số thu NSNN cấp huyện được hưởng theo phân cấp.

Trong giai đoạn 2017-2020, tổng thu NSNN trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố có xu hướng tăng qua các năm (Năm 2017: 2.729 tỷ đồng; Năm 2018: 3.641 tỷ đồng; Năm 2019: 3.975 tỷ đồng; Năm 2020: 3.939 tỷ đồng). Tuy nhiên số thu tiền sử dụng đất trong tổng thu NSNN trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố có xu hướng tăng nhanh hơn số thu cân đối còn lại.

(Chi tiết theo Biểu số 01)

- Về cơ cấu thu NSNN theo phân cấp giai đoạn 2017-2020 (%/tổng thu NSNN được hưởng theo phân cấp):

	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng giai đoạn 2017-2020
Ngân sách cấp tỉnh	58	63	63	68	64
Ngân sách cấp huyện (bao gồm ngân sách xã)	42	37	37	32	36

Từ kết quả trên cho thấy, việc quy định ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo và hướng các nguồn thu quan trọng đã tạo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của tỉnh; Đồng thời đảm bảo nguồn lực để bổ sung cho các địa phương khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, qua đó góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, từng bước phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa.

- Về số tăng thu cân đối phần ngân sách cấp huyện được hưởng (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2021 so với năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

STT	Đơn vị	Thu NSDP được hưởng (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách	Thu NSDP được hưởng (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) năm 2021	Chênh lệch tăng (giảm)	Số trợ cấp cân đối từ ngân sách tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	5=4-3	(6)
1	Thành phố Đồng Xoài	237	333	95	97
2	Thị xã Bình Long	206	234	29	0
3	Thị xã Phước Long	80	96	16	122
4	Huyện Đồng Phú	94	124	31	229
5	Huyện Lộc Ninh	63	114	51	389
6	Huyện Bù Đốp	32	77	45	233
7	Huyện Bù Đăng	54	69	15	475
8	Huyện Chơn Thành	139	222	82	143
9	Huyện Hớn Quản	52	94	42	307
10	Huyện Bù Gia Mập	36	47	11	331
11	Huyện Phú Riềng	90	44	-46	272
Tổng		1.083	1.453	370	2.597

1.2 Về số thu tiền sử dụng đất:

Tổng nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2017 - 2020 là 5.652 tỷ đồng, chiếm 39,56% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Số thu tiền sử dụng đất tăng qua các năm, cụ thể: năm 2017 thu 1.031 tỷ đồng; năm 2018 thu 1.475 tỷ đồng; năm 2019 thu 1.506 tỷ đồng; năm 2020 thu 1.640 tỷ đồng.

Số thu tiền sử dụng đất phân ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp giai đoạn 2017 - 2020 là 4.744 tỷ đồng, chiếm 84% tổng thu tiền sử dụng đất. Với số thu tiền sử dụng đất được hưởng các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn; 80% số thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã được để lại cho các xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

1.3 Khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ thu:

- Mặc dù đã được phân cấp tối đa các khoản thu trên địa bàn cho huyện, thị xã, thành phố được hưởng 100% theo quy định của Luật NSNN. Tuy nhiên hầu hết các huyện, thị xã, thành phố chưa đảm bảo cân đối được ngân sách cấp mình. Đến thời điểm hiện tại, 10/11 đơn vị hành chính cấp huyện và 111/111 đơn vị hành chính cấp xã chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách. Đặc biệt, huyện Chơn Thành được định hướng lên thị xã nhưng cũng còn khoảng cách khá xa với tiêu chí tự cân đối thu, chi ngân sách. Cùng với đó, nhiều địa phương phụ thuộc nhiều từ khoản thu tiền sử dụng đất, nên nguồn thu bấp bênh, dẫn đến nhiệm vụ chi cũng không ổn định.

- Tình hình dịch bệnh trong những năm gần đây (Dịch lở mồm, long móng ở lợn; Dịch bệnh Covid-19; Dịch bệnh trên các cây nông nghiệp chủ lực của tỉnh như điều, tiêu...) đã gây sụt giảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn tỉnh từ đó làm ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Nguồn thu trên địa bàn các huyện, thị xã; thành phố và các xã, phường, thị trấn không ổn định: Do trong các năm của thời kỳ ổn định ngân sách Trung ương ban hành nhiều chính sách miễn, giảm, gia hạn đối với các khoản thuế, tiền đất. Đồng thời do ảnh hưởng của giá cả các mặt hàng nông sản giảm sâu làm cho kết quả thu ngân sách của các huyện, thị xã bị ảnh hưởng.

- Giải ngân vốn đầu tư công hằng năm đạt kết quả chưa cao; trong bối cảnh nền kinh tế bị tác động mạnh bởi đại dịch Covid-19, giải pháp đẩy mạnh giải ngân đầu tư công có tính chất quyết định, thúc đẩy tổng cầu, giải quyết công ăn việc làm, tạo thuận lợi cho các ngành nghề liên quan những dự án được triển khai. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến việc bán đấu giá quyền sử dụng đất của các dự án trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn.

2. Về phân cấp nhiệm vụ chi:

Việc thực hiện phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh đã phản ánh khá

đầy đủ các nhiệm vụ chi trên địa bàn, tạo sự chủ động trong điều hành ngân sách; phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp và phù hợp với khả năng quản lý về ngân sách. Đồng thời, việc phân cấp nhiệm vụ chi đã khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc phân cấp nhiệm vụ chi trong thời kỳ ổn định ngân sách 2011 - 2015. Theo báo cáo của Sở Tài chính, kết quả chi ngân sách địa phương ở các cấp ngân sách có nhiều chuyển biến tích cực. Bình quân trong giai đoạn 2017 - 2020 tốc độ tăng chi ngân sách địa phương của cấp huyện khoảng 16%/năm, trong đó: chi đầu tư phát triển tăng 42%/năm, chi thường xuyên tăng 10%/năm. Tổng chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp có tính chất đầu tư (nguồn ngân sách địa phương) trên tổng nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm sau đều cao hơn năm trước (cụ thể: năm 2019 đạt 65%; năm 2020 đạt 64%; năm 2021 đạt 66%); chi thường xuyên trên tổng chi ngân sách địa phương (sau khi loại trừ chi sự nghiệp có tính chất đầu tư) năm sau giảm so với năm trước (năm 2019 đạt 43%; năm 2020 đạt 42%; năm 2020 đạt 39%).

2.1 Kết quả thực hiện nhiệm vụ chi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020:

Cùng với kết quả thu NSNN trong giai đoạn 2017-2020, kết quả chi NSDP ở các cấp ngân sách có nhiều chuyển biến tích cực. Bình quân giai đoạn 2017-2020, tốc độ tăng chi NSDP của cấp huyện khoảng 16%/năm, trong đó: chi đầu tư phát triển tăng 42%/năm; chi thường xuyên tăng 10%/năm.

(Chi tiết theo Biểu số 03)

2.2 Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ chi:

Cùng với xu hướng tăng thu NSNN, tổng chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp có tính chất đầu tư (nguồn ngân sách địa phương, không bao gồm nguồn ngân sách TW) trên Tổng nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm sau đều cao hơn năm trước (năm 2019: 65%; năm 2020: 64%; năm 2021: 66%). Đồng thời, chi thường xuyên trên tổng chi NSDP (sau khi loại trừ chi sự nghiệp có tính chất đầu tư) năm sau giảm so với năm trước (năm 2019: 43%; năm 2020: 42%; năm 2021: 39%).

Bên cạnh những kết quả đạt được, Phân cấp nhiệm vụ chi giữ các cấp ngân sách cơ bản phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế xã hội. Tuy nhiên, việc phân cấp quản lý kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay đối với một số lĩnh vực còn chông chéo, dẫn đến những khó khăn trong phân cấp nhiệm vụ chi. Việc phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

Thứ nhất, trong giai đoạn 2017-2020, nhiều chế độ chính sách mới được cấp có thẩm quyền ban hành làm tăng chi hoạt động thường xuyên của ngân sách địa phương, đồng thời với việc lạm phát tăng nhanh trên cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng nhưng không bổ sung cân đối nguồn chi hoạt động thường

xuỳn (vấn giữ như định mức năm 2017) nên đã ảnh hưởng đến việc điều hành cân đối thu - chi ngân sách địa phương, đơn vị.

Thứ hai, việc phân cấp các nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách còn mang tính chất chung chung (chi an ninh-quốc phòng; chi sự nghiệp kinh tế). Bên cạnh đó, định mức chi cho các ngành, lĩnh vực còn chưa đáp ứng được nhu cầu, điều này dẫn đến các cấp ngân sách còn gặp nhiều khó khăn trong điều hành ngân sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

II. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Nghị quyết số 16.

Qua thời gian tổ chức thực hiện, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 đã cơ bản khắc phục được những tồn tại, hạn chế của giai đoạn 2011-2015.

Thứ nhất, phân cấp quản lý ngân sách theo Luật NSNN năm 2015 đã góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý NSNN. Việc ban hành và thực hiện chính sách chế độ mới làm tăng chi ngân sách, tình trạng cấp ban hành chính sách phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của từng cấp.

Thứ hai, phân cấp quản lý NSNN đã đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh.

Việc quy định tỉnh giữ vai trò chủ đạo và hưởng các nguồn thu quan trọng đã đủ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của tỉnh; Đảm bảo nguồn lực để bổ sung cho các địa phương khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, qua đó góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, từng bước phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa.

Thứ ba, cơ chế phân cấp quản lý NSNN đã giao quyền chủ động cho các địa phương tăng thu, tiết kiệm chi NSNN để có nguồn lực phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Cơ chế phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách đã khuyến khích chính quyền địa phương: Chủ động trong việc xác định, bồi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp, với cơ chế: tăng thu thì tăng chi, giảm thu thì giảm chi đã khắc phục được tình trạng ỷ lại vào cấp trên.

Thứ tư, so với giai đoạn 2011-2015, ngoài những kết quả thu NSNN đáng khích lệ, tỷ lệ nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách tỉnh đã giảm theo chiều hướng tích cực; đồng thời đã có đơn vị đầu tiên (thị xã Bình Long) tự cân đối ngân sách. Đây là tiền đề quan trọng cho giai đoạn tiếp theo có thể nâng số đơn vị tự cân đối ngân sách (định hướng thành phố Đồng Xoài; huyện Chơn Thành).

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách đối với một số khoản thu còn chưa thực sự hợp lý; phân cấp nhiệm vụ chi gắn với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội trong một số lĩnh vực còn bất cập; định mức phân bổ chi ngân sách

trong một số lĩnh vực chưa bảo đảm đáp ứng nhiệm vụ chi. Phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi gắn với phân cấp kinh tế - xã hội cho kỳ ổn định ngân sách tiếp theo bảo đảm thống nhất theo nguyên tắc: Phù hợp với các quy định của pháp luật; cấp nào làm tốt hơn, hiệu quả hơn thì giao cấp đó thực hiện và bảo đảm đủ nguồn lực để cấp đó triển khai nhiệm vụ.

Mặt khác, việc phân cấp nguồn thu chưa gắn với phân cấp doanh nghiệp trên địa bàn giữa Cục Thuế và Chi cục Thuế quản lý. Điều này chưa tạo ra động lực cho cấp huyện trong thu hút đầu tư, tạo môi trường sản xuất kinh doanh

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện phân cấp, một số địa phương chưa chủ động cân đối ngân sách để bố trí dự toán cho nhiệm vụ chi thuộc trách nhiệm của cấp mình, trong khi còn số kết dư lớn vẫn đề nghị ngân sách cấp trên hỗ trợ.

III. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Phương thức bố trí chi chưa gắn với quản lý biên chế và sắp xếp bộ máy đã thể hiện sự dàn trải dẫn đến triệt tiêu động lực, bởi vì nó hạn chế tính toàn quyền quyết định biên chế để được tự do sử dụng kinh phí vào những công việc cần thiết hơn. Tâm lý và cách lập dự toán đến nay vẫn còn tồn tại là đề nghị thêm chỉ tiêu biên chế và rồi từ biên chế được giao tăng thêm trở thành cơ sở pháp lý để yêu cầu tăng ngân sách, mặc dù có thể yêu cầu về biên chế tăng thêm chưa thực sự cần thiết. Với cách làm này việc tăng biên chế có lợi hơn so với giữ nguyên biên chế, sẽ giảm áp lực công việc, còn kinh phí trang trải thì do ngân sách đảm bảo. Tuy nhiên hiện nay, tình trạng này cũng được khắc phục dần nhờ triển khai rộng rãi cơ chế khoán biên chế và quỹ lương.

Tình trạng bao cấp ngân sách nặng nề trong khi nguồn lực có hạn dẫn đến NSNN bị chia cắt cho quá nhiều nhu cầu, trong khi đáng lý có thể huy động từ các nguồn lực khác như một số công trình kết cấu hạ tầng có khả năng thu hồi vốn, một số lĩnh vực giáo dục, y tế, thể dục - thể thao... Tâm lý trong chờ, ỷ lại kéo dài đã làm triệt tiêu động lực và tính năng động trong hoạt động ngân sách mang tính phổ biến cũng là trở lực trong việc thay đổi phương thức mới tiến bộ hơn.

Bên cạnh đó, việc tính toán số trợ cấp cân đối cho các địa phương năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách còn mang nặng tính kỹ thuật như dựa vào chỉ tiêu dân số, đối tượng chi cho từng lĩnh vực như: định mức chi cho học sinh, chi cho giường bệnh, chi cho biên chế, chi cho đối tượng xã hội... Điều này chưa đảm bảo công bằng và không tạo ra động lực phát triển vì không phân biệt giữa các địa phương có điều kiện hạ tầng kỹ thuật tốt hay không tốt, việc dựa nhiều vào dân số sẽ có bất cập vì đối với các địa phương ở vùng sâu, vùng xa, biên giới có số lượng dân số thấp sẽ ít được tập trung nguồn lực để đảm bảo các nhiệm vụ chi hơn những địa phương ở đồng bằng, thành thị...

IV. Phân tích các khoản thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu, nhiệm vụ chi theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND chưa phù hợp với thực tiễn trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế triển khai thực hiện phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu, nhiệm vụ chi theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND còn một số nội dung chưa phù hợp với thực tiễn của địa phương. Cụ thể:

1. Chưa quy định cụ thể tỷ lệ phân chia khoản thu tiền thuê đất đối với các dự án do tỉnh quản lý.

2. Việc phân cấp nguồn thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản do cấp huyện cấp phép cho ngân sách cấp huyện hưởng 100% là chưa phù hợp. Nguyên nhân là do việc cấp quyền khai thác khoáng sản hiện nay chỉ do Bộ TNMT và UBND tỉnh thực hiện.

3. Chưa quy định tỷ lệ phân chia khoản thu từ thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; đồng thời chưa quy định nhiệm vụ chi khắc phục môi trường từ nguồn thu này.

V. Phương án, giải pháp trong thời gian tới.

Trên cơ sở những bất cập, khó khăn của các địa phương, thời gian tới, Sở sẽ tiếp tục rà soát, tham mưu Thường trực Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2022-2025 cho phù hợp. Theo đó, cần định hướng một số nội dung lớn như sau:

Thứ nhất, đổi mới phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách, tiếp tục đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh: Về nguyên tắc vẫn phải tập trung những nguồn thu lớn, quan trọng về ngân sách cấp tỉnh. Các địa phương tích cực chủ động khai thác, nuôi dưỡng nguồn thu gắn với kinh tế địa phương chủ động cân đối ngân sách. Để giải quyết những căng thẳng và mâu thuẫn trong phân phối nguồn thu giữa các cấp ngân sách cần phải xử lý được vấn đề nền tảng là phải tăng thu NSNN, như nuôi dưỡng nguồn thu, tiếp tục dựa vào yếu thế về đất đai để tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Thứ hai, đổi mới phương thức phân cấp nhiệm vụ chi: Cần hoàn thiện quy định về phân định nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp chính quyền. Qua đó, tạo điều kiện và cơ chế để chính quyền địa phương có sự tự chủ nhất định trong các quyết định phân bổ nguồn lực, sử dụng nguồn lực theo các thứ tự ưu tiên của địa phương.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế bổ sung ngân sách giữa các cấp ngân sách: Cần hình thành các phương thức phù hợp để xác định quy mô tổng nguồn ngân sách dùng để bổ sung cho các địa phương, cũng như các nguyên tắc sử dụng cho việc xác định mức bổ sung và nhu cầu chi tiêu của địa phương; hoàn thiện hệ thống tiêu chí, các nguyên tắc về bổ sung có mục tiêu, hạn chế xin cho.



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
GIAI ĐOẠN 2017-2020**

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	ĐƠN VỊ	Thu NSNN trên địa bàn			Thu NSDP được hưởng theo phân cấp			So sánh (%)		
		Tổng	Thu tiền sử dụng đất	Thu cân đối	Tổng	Thu tiền sử dụng đất	Thu cân đối			
(1)	(2)	3=4+5	(4)	(5)	6=7+8	(7)	(8)	9=6/3	10=7/4	11=8/5
1	Huyện Phú Riềng	1.052.005	435.300	616.705	938.290	432.289	506.001	89	99	82
2	Huyện Bù Gia Mập	468.494	172.012	296.482	405.606	171.128	234.478	87	99	79
3	Thị xã Bình Long	1.464.070	444.014	1.020.056	1.211.973	327.956	884.017	83	74	87
4	Thị xã Phước Long	1.845.342	1.232.253	613.089	1.421.170	966.350	454.820	77	78	74
5	Huyện Hớn Quản	662.416	190.915	471.501	508.343	190.874	317.469	77	100	67
6	Huyện Bù Đăng	876.911	432.335	444.576	672.936	378.882	294.054	77	88	66
7	Huyện Bù Đốp	733.512	345.248	388.264	555.541	329.215	226.326	76	95	58
8	Thành phố Đồng Xoài	2.670.824	779.738	1.891.086	1.954.557	581.152	1.373.405	73	75	73
9	Huyện Lộc Ninh	1.141.406	467.630	673.776	829.342	444.460	384.882	73	95	57
10	Huyện Chơn Thành	2.095.522	785.923	1.309.599	1.463.576	634.031	829.545	70	81	63
11	Huyện Đồng Phú	1.273.832	366.265	907.567	861.184	287.636	573.548	68	79	63
Tổng		14.284.334	5.651.633	8.632.701	10.822.518	4.743.973	6.078.545	76	84	70

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHI NSDP GIAI ĐOẠN 2017-2020

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	ĐƠN VỊ	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Giai đoạn 2017-2020		
		Tổng chi NSDP	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng chi NSDP	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng chi NSDP	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng chi NSDP	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng chi NSDP	Chi đầu tư	Chi thường xuyên
1	Thành phố Đồng Xoài	597.542	145.588	451.955	773.501	316.232	457.270	682.514	197.515	484.999	800.156	301.725	498.431	2.853.713	961.060	1.892.655
2	Thị xã Bình Long	286.380	26.605	259.775	387.862	97.520	290.342	432.576	86.649	345.928	452.194	86.744	365.450	1.559.012	297.518	1.261.495
3	Thị xã Phước Long	419.614	192.886	226.728	519.668	235.180	254.488	572.115	296.499	275.615	440.131	166.509	273.621	1.951.528	891.074	1.030.452
4	Huyện Đồng Phú	441.739	71.222	370.516	534.927	125.462	427.366	660.695	159.043	477.098	759.079	275.023	483.773	2.396.440	630.750	1.758.753
5	Huyện Chơn Thành	393.462	65.435	328.026	513.611	146.275	367.337	636.200	187.995	448.205	781.813	331.544	450.268	2.325.086	731.249	1.593.836
6	Huyện Hớn Quản	437.712	46.695	391.018	515.146	75.272	439.732	556.444	110.238	446.207	661.525	156.457	505.068	2.170.827	388.662	1.782.025
7	Huyện Lộc Ninh	612.031	96.414	515.617	723.729	205.050	518.679	854.792	269.419	585.372	1.162.035	446.478	715.558	3.352.587	1.017.361	2.335.226
8	Huyện Bù Đốp	412.674	80.671	332.004	481.547	103.596	377.951	565.609	150.329	415.280	598.413	160.568	437.845	2.058.243	495.164	1.563.080
9	Huyện Bù Đăng	578.680	52.723	525.957	719.110	116.537	602.573	822.033	120.343	701.559	986.594	198.753	773.352	3.106.417	488.356	2.603.441
10	Huyện Bù Gia Mập	458.282	51.388	406.895	580.899	75.131	505.762	693.049	130.890	562.151	708.728	146.626	559.102	2.440.958	404.035	2.033.910
11	Huyện Phú Riềng	485.738	67.409	418.328	572.069	114.507	357.562	674.511	201.315	473.196	720.359	177.023	544.337	2.452.677	560.254	1.793.423
Tổng		5.123.854	897.036	4.226.819	6.322.069	1.610.762	4.599.062	7.150.538	1.910.235	5.215.610	8.071.027	2.447.450	5.606.805	26.667.488	6.865.483	19.648.296

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
Tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Sở Tư pháp

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày /2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 tỉnh Bình Phước và bãi bỏ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sang năm 2021.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày....tháng....năm 2021 và có hiệu lực từ ngày.....tháng.....năm 2021/.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TT.HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTT;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc thực hiện phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao.
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương.
2. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi toàn tỉnh; đồng thời đảm bảo nguồn hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
3. Ngân sách xã, phường, thị trấn được phân chia tối đa nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (hộ kinh doanh nhỏ); thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất.
4. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải

có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

5. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

6. Trong thời kỳ ổn định ngân sách:

a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách;

b) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định;

c) Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới (không bao gồm thu tiền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất) đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn so với dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (từ 50 tỷ đồng) thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Đối với số thu tiền sử dụng đất:

a) Cấp tỉnh:

- Đối với số thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất từ các dự án do tỉnh quản lý: Sử dụng toàn bộ nguồn thu để chi đầu tư phát triển;

- Đối với số thu từ chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện điều tiết (40%) về ngân sách tỉnh được sử dụng như sau: (i) Dành 10% để phân bổ cho đo đạc lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (ii) Dành 20% để phân bổ cho công tác quy hoạch; (iii) Dành 10% trích lập Quỹ phát triển đất.

b) Cấp huyện: Sử dụng toàn bộ nguồn thu để chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; chi đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Căn

cứ tình hình thực tế ở địa phương và yêu cầu bố trí tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét việc phân bổ chi đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã.

8. Đối với số thu xổ số kiến thiết:

Sử dụng toàn bộ nguồn thu để chi cho đầu tư phát triển, trong đó bố trí tối thiểu 50% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để chi cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế; bố trí tối thiểu 10% cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Số tăng thu thực hiện từ hoạt động xổ số kiến thiết so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (nếu có), địa phương được chủ động phân bổ chi cho đầu tư các công trình quan trọng, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu. Trường hợp cuối năm không sử dụng hết, nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết còn lại được chuyển sang năm sau thực hiện các dự án, công trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết theo quy định.

9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

Chương II.

PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

a) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm nguồn thu từ xổ số điện toán Vietlot);

b) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

c) Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

d) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương;

đ) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý;

e) Tiền sử dụng đất từ bán đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất từ các dự án do tỉnh quản lý.

f) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;

h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

l) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

m) Thu khác từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh;

n) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của các dự án do tỉnh quản lý; Thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

p) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản;

q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

j) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

2. Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách Trung ương:

a) Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động, thăm dò, khai thác dầu, khí;

c) Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp hạch toán tập trung (hạch toán toàn ngành) trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

d) Thuế thu nhập cá nhân;

đ) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu;

e) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu được doanh nghiệp kê khai, nộp thuế hàng hóa nhập khẩu.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương

4. Thu chuyển nguồn và kết dư của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang

5. Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện

a) Thuế giá trị gia tăng từ doanh nghiệp địa phương thuộc cấp huyện quản lý;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ doanh nghiệp địa phương thuộc cấp huyện quản lý;

c) Thuế tài nguyên khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh thuộc cấp huyện quản lý;

d) Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh thuộc cấp huyện quản lý;

e) Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh thuộc cấp huyện quản lý;

f) Thuế tài nguyên khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh thuộc cấp huyện quản lý;

g) Thuế thu nhập cá nhân;

h) Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);

i) Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền hằng năm;

k) Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất.

(Kèm theo Phụ lục I).

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

a) Lệ phí môn bài (trừ lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân kinh doanh nhỏ);

b) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện tổ chức thu;

d) Thu sự nghiệp phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do các cơ quan cấp huyện quản lý;

đ) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho cấp huyện;

e) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

g) Các khoản thu phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

h) Tiền sử dụng đất từ bán đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất từ các dự án do cấp huyện quản lý;

i) Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh

3. Thu chuyển nguồn và kết dư của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang

4. Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

a) Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp do tỉnh, huyện quản lý trực tiếp);

b) Lệ phí trước bạ nhà, đất;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

(Kèm theo Phụ lục II).

Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b) Lệ phí môn bài từ các hộ cá nhân kinh doanh nhỏ;

c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã tổ chức thu (trừ lệ phí trước bạ);

đ) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

g) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý;

h) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện;

k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện

3. Thu kết dư và chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang

4. Thu kết dư ngân sách xã năm trước

5. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang

6. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật

Chương III.

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi cho các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

b) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

- b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
- c) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin;
- e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;
- f) Sự nghiệp thể dục thể thao;
- g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- h) Các hoạt động kinh tế:

+ Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do Nhà nước thực hiện;

+ Hoạt động bảo vệ nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do Nhà nước thực hiện;

+ Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ do Nhà nước thực hiện;

+ Hoạt động đo đạc, phân giới cắm mốc biên giới; điều tra cơ bản; quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước thực hiện;

+ Hoạt động sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

+ Các sự nghiệp kinh tế khác;

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

k) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia theo phân cấp.

5. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi cho các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

b) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp huyện được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

d) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

e) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

f) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao;

h) Chi hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác, vùng lân cận và vùng hạ lưu nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do Nhà nước thực hiện;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do Nhà nước thực hiện;

- Hoạt động sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường, điều tra cơ bản, quy hoạch, xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này

2. Chi thường xuyên của các ban, ngành, đoàn thể ở xã được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Sự nghiệp đào tạo lại và dạy nghề;

c) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

d) Sự nghiệp văn hoá, thông tin;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh;

f) Sự nghiệp thể dục, thể thao;

g) Các hoạt động kinh tế bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác;

h) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, thuộc ngân sách cấp xã quản lý;

k) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Phụ lục I

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp do tỉnh quản lý trực tiếp)	Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp do tỉnh quản lý trực tiếp)	Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất)	Thuế tài nguyên khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (trừ thuế tài nguyên thu từ các dự án do tỉnh cấp phép)	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền hằng năm (không bao gồm thu tiền thuê đất từ các dự án do cấp tỉnh quản lý; thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê)	Thuế thu nhập cá nhân	Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Thành phố Đồng Xoài	100%	100%	100%	100%	35%	100%	60%
2	Thị xã Bình Long	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
3	Thị xã Phước Long	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
4	Huyện Đồng Phú	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
5	Huyện Lộc Ninh	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
6	Huyện Bù Đốp	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
7	Huyện Bù Đăng	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
8	Huyện Chơn Thành	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
9	Huyện Hớn Quản	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
10	Huyện Bù Gia Mập	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%
11	Huyện Phú Riềng	100%	100%	100%	100%	35%	50%	60%

Phụ lục II
TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN
SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (Hộ kinh doanh nhỏ)	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I	Thành phố Đồng Xoài			
1	Phường Tân Phú	50%	50%	100%
2	Phường Tân Đồng	100%	50%	100%
3	Phường Tân Thiện	100%	50%	100%
4	Phường Tân Xuân	100%	50%	100%
5	Phường Tân Bình	50%	50%	100%
6	Phường Tiến Thành	100%	50%	100%
7	Xã Tiến Hưng	100%	50%	100%
8	Xã Tân Thành	100%	50%	100%
II	Thị xã Bình Long			
1	Phường An Lộc	100%	100%	100%
2	Phường Hưng Chiến	100%	100%	100%
3	Phường Phú Thịnh	100%	100%	100%
4	Phường Phú Đức	100%	100%	100%
5	Xã Thanh Lương	100%	100%	100%
6	Xã Thanh Phú	100%	100%	100%
III	Thị xã Phước Long			
1	Phường Thác Mơ	100%	100%	100%
2	Phường Long Thủy	100%	100%	100%
3	Phường Phước Bình	100%	100%	100%
4	Phường Long Phước	100%	100%	100%

STT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (Hộ kinh doanh nhỏ)	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
5	Phường Sơn Giang	100%	100%	100%
6	Xã Long Giang	100%	100%	100%
7	Xã Phước Tín	100%	100%	100%
IV	Huyện Đồng Phú			
1	Thị trấn Tân Phú	100%	100%	100%
2	Xã Thuận Lợi	100%	100%	100%
3	Xã Đồng Tâm	100%	100%	100%
4	Xã Tân Phước	100%	100%	100%
5	Xã Tân Hưng	100%	100%	100%
6	Xã Tân Lợi	100%	100%	100%
7	Xã Tân Lập	100%	100%	100%
8	Xã Tân Hoà	100%	100%	100%
9	Xã Thuận Phú	100%	100%	100%
10	Xã Đồng Tiến	100%	100%	100%
11	Xã Tân Tiến	100%	100%	100%
V	Huyện Lộc Ninh			
1	Thị trấn Lộc Ninh	100%	100%	100%
2	Xã Lộc Hòa	100%	100%	100%
3	Xã Lộc An	100%	100%	100%
4	Xã Lộc Tấn	100%	100%	100%
5	Xã Lộc Thạnh	100%	100%	100%
6	Xã Lộc Hiệp	100%	100%	100%
7	Xã Lộc Thiện	100%	100%	100%
8	Xã Lộc Thuận	100%	100%	100%
9	Xã Lộc Quang	100%	100%	100%
10	Xã Lộc Thành	100%	100%	100%
11	Xã Lộc Thái	100%	100%	100%

STT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (Hộ kinh doanh nhỏ)	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
12	Xã Lộc Điền	100%	100%	100%
13	Xã Lộc Hưng	100%	100%	100%
14	Xã Lộc Thịnh	100%	100%	100%
15	Xã Lộc Khánh	100%	100%	100%
16	Xã Lộc Phú	100%	100%	100%
VI	Huyện Bù Đăng			
1	Thị trấn Đức Phong	100%	100%	100%
2	Xã Đắc Nhau	100%	100%	100%
3	Xã Phú Sơn	100%	100%	100%
4	Xã Thọ Sơn	100%	100%	100%
5	Xã Bom Bo	100%	100%	100%
6	Xã Minh Hưng	100%	100%	100%
7	Xã Đoàn Kết	100%	100%	100%
8	Xã Đồng Nai	100%	100%	100%
9	Xã Đường 10	100%	100%	100%
10	Xã Bình Minh	100%	100%	100%
11	Xã Đức Liễu	100%	100%	100%
12	Xã Thống Nhất	100%	100%	100%
13	Xã Nghĩa Trung	100%	100%	100%
14	Xã Nghĩa Bình	100%	100%	100%
15	Xã Đăng Hà	100%	100%	100%
16	Xã Phước Sơn	100%	100%	100%
VII	Huyện Chơn Thành			
1	Thị trấn Chơn Thành	100%	100%	100%
2	Xã Thành Tâm	100%	100%	100%
3	Xã Minh Lập	100%	100%	100%
4	Xã Quang Minh	100%	100%	100%

STT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (Hộ kinh doanh nhỏ)	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
5	Xã Minh Hưng	100%	100%	100%
6	Xã Minh Long	100%	100%	100%
7	Xã Minh Thành	100%	100%	100%
8	Xã Nha Bích	100%	100%	100%
9	Xã Minh Thắng	100%	100%	100%
VIII	Huyện Bù Đốp			
1	Thị trấn Thanh Bình	100%	100%	100%
2	Xã Hưng Phước	100%	100%	100%
3	Xã Phước Thiện	100%	100%	100%
4	Xã Thiện Hưng	100%	100%	100%
5	Xã Thanh Hòa	100%	100%	100%
6	Xã Tân Thành	100%	100%	100%
7	Xã Tân Tiến	100%	100%	100%
IX	Huyện Hớn Quản			
1	Thị trấn Tân Khai	100%	100%	100%
2	Xã Thanh An	100%	100%	100%
3	Xã An Khương	100%	100%	100%
4	Xã An Phú	100%	100%	100%
5	Xã Tân Lợi	100%	100%	100%
6	Xã Tân Hưng	100%	100%	100%
7	Xã Minh Đức	100%	100%	100%
8	Xã Minh Tâm	100%	100%	100%
9	Xã Phước An	100%	100%	100%
10	Xã Thanh Bình	100%	100%	100%
11	Xã Đồng Nơ	100%	100%	100%
12	Xã Tân Hiệp	100%	100%	100%
13	Xã Tân Quan	100%	100%	100%

STT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (Hộ kinh doanh nhỏ)	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
X	Huyện Bù Gia Mập			
1	Xã Phú Nghĩa	100%	100%	100%
2	Xã Bù Gia Mập	100%	100%	100%
3	Xã Đắc O	100%	100%	100%
4	Xã Đức Hạnh	100%	100%	100%
5	Xã Phú Văn	100%	100%	100%
6	Xã Đa Kia	100%	100%	100%
7	Xã Phước Minh	100%	100%	100%
8	Xã Bình Thắng	100%	100%	100%
XI	Huyện Phú Riềng			
1	Xã Phú Riềng	100%	100%	100%
2	Xã Long Bình	100%	100%	100%
3	Xã Bù Nho	100%	100%	100%
4	Xã Long Hà	100%	100%	100%
5	Xã Long Tân	100%	100%	100%
6	Xã Phú Trung	100%	100%	100%
7	Xã Bình Sơn	100%	100%	100%
8	Xã Bình Tân	100%	100%	100%
9	Xã Long Hưng	100%	100%	100%
10	Xã Phước Tân	100%	100%	100%